

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2022

**THƯ MỜI CHÀO GIÁ**  
V/v Sửa chữa định kỳ tàu HN-1884

Kính gửi Quý Khách Hàng !

Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM xin được gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý Khách hàng.

Để phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh, Công ty chúng tôi có nhu cầu sửa chữa sà lan tự hành HN-1884 tại khu vực phía Nam. Nội dung sửa chữa cụ thể có phương án sửa chữa và dự toán vật tư trong “Hồ sơ yêu cầu” kèm theo.

Chúng tôi mong muốn nhận được sự hợp tác, cung cấp dịch vụ sửa chữa của Quý khách hàng trong việc sửa chữa sà lan tự hành HN-1884.

Đề nghị Quý khách hàng quan tâm lập Hồ sơ đề xuất sửa chữa sà lan tự hành HN-1884, bao gồm:

1. Hồ sơ pháp lý.
2. Hồ sơ năng lực.
3. Hồ sơ đề xuất dịch vụ sửa chữa (bao gồm VAT).
4. Bảng tiến độ thi công.
5. Các tài liệu khác theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu.

HSDX dịch vụ sửa chữa nêu trên, đề nghị quý khách hàng nghiên cứu; lập, niêm phong và gửi theo đường công văn tới bộ phận văn thư của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM (địa chỉ: số 21B, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

Thời hạn gửi thư chào giá: trước ngày 11/7/2022.

Trân trọng cảm ơn các Quý khách hàng!



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Khắc Mạnh

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**



**HỒ SƠ YÊU CẦU  
SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ TÀU HN-1884**

Đơn vị mời sửa chữa: Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM  
Địa chỉ: 21B Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.  
Điện thoại: 024.3845.7328 Fax: 024.3845.7186

**Hà Nội, tháng 06 năm 2022**

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

**HỒ SƠ YÊU CẦU**  
**SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ SÀ LAN HN-1884**

**Đơn vị mời sửa chữa:** Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

**Địa chỉ:** 21B Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Điện thoại: 024.3845.7328 Fax: 024.3845.7186

**Đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM**

Tổng Giám đốc *JKM*



**Trần Khắc Mạnh**

**PHẦN I: YÊU CẦU SỬA CHỮA SÀ LAN TỰ HÀNH HN-1884**

**A. CÁC YÊU CẦU LẬP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT**

**I. Yêu cầu tài liệu chứng minh tư cách pháp lý**

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao).
2. Hạch toán kinh tế độc lập.
3. Không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh, đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc ứ đọng không có khả năng chi trả, đang trong quá trình giải thể.

**II. Yêu cầu tài liệu chứng minh năng lực sửa chữa:**

1. Cung cấp bản sao hợp đồng đã hoặc đang thực hiện sửa chữa phương tiện;
2. Năng lực sửa chữa, trình độ chuyên môn.
  - Máy móc thiết bị thi công;
  - Nhà xưởng, cầu cảng, âu tàu;
  - Số lượng, trình độ chuyên môn của quản đốc, nhân công;
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (02 năm gần nhất 2020,2021);

**III. Yêu cầu về quy cách và phương thức giao nhận Hồ sơ đề xuất:**

1. Hồ sơ đề xuất được niêm phong, giao nhận trực tiếp tại bộ phận văn thư của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM hoặc chuyển qua đường bưu điện theo địa chỉ: số 21B, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội trước <sup>9h00</sup> ngày 11/07/2022.

2. Hồ sơ đề xuất phải được đóng dấu hoặc gắn xi niêm phong trên bao bì và ghi rõ: “**Hồ sơ đề xuất sửa chữa định kỳ sà lan HN-1884 Không mở trước... ngày 11/7/2022**”

<sup>9h00</sup>

## B. CÁC YÊU CẦU SỬA CHỮA

### I. Thông số kỹ thuật và thông tin cơ bản.

#### 1. Thông số kỹ thuật, thông tin cơ bản của sà lan tự hành HN-1884.

- |                          |           |   |
|--------------------------|-----------|---|
| - Kích thước cơ bản: (m) | LxBxDxd   | 57.06 x 11 x 4.3 x 3.65                 |
| - Chiều cao lớn nhất:    | Lmax      | = 60.7m                                 |
| - Chiều rộng lớn nhất:   | Bmax      | = 11.2m                                 |
| - Chiều cao mạn :        | H         | = 4.3                                   |
| - Công suất máy chính    | N= 620cv  | ( Loại máy : Weichai - WHM 6160 C620-5) |
| - Trọng tải của sà lan:  | Ptt= 1633 | Tấn.                                    |
| - Vật liệu : Thép.       |           |   |

(tàu kết cấu mạn kép cách mạn 1,2m, mặt boong khoang hàng cách đáy 0.9m)

#### 2. Thông tin cơ bản.

- Hạng mục: Sửa chữa sà lan tự hành HN-1884.
- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Địa điểm sửa chữa: khu vực phía Nam.
- Thời gian lựa chọn đơn vị sửa chữa dự kiến từ đầu tháng 7/2022.
- Thời gian thực hiện sửa chữa: 25 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực và phương tiện được bàn giao cho Bên B.

## II. Yêu cầu sửa chữa Sà lan HN-1884.

### 1. Phần kích kéo:

- Kéo tàu lên đà bằng bóng hơi, kê kích tàu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

### 2. Phần thân vỏ tàu

#### 2.1 Một phần đáy mũi, mo, mạn.

- Tình trạng lớp sơn vỏ ngoài hiện nay đã xuống cấp, khu vực tôn hai bên mạn, khu vực tôn vỏ phía mũi bị gỉ sét .
- Riềng tàu có các vết lõm, bẹp sâu, riềng tàu đã bị rỉ toàn bộ.
- Khu vực mạn tàu có các vết lõm và bị bong sơn.
- Phần đáy mũi, sống mũi tàu đã bong sơn và có hiện tượng rỉ tăng.

#### 2.2 Khu vực trên boong.

- Tôn be chắn sóng bên trái phần mũi tàu bị biến dạng, bong đường hàn do va đập vào thành cầu cảng.

- Tôn be sóng hậu lái tàu bên trái bị mọt méo chiều dài khoảng 2,5m.
- Các cổ hầm và nắp hầm bị mọt rỉ nặng, một số nắp đã bị mọt thủng, nhất là các khu vực giáp với thành quây hàng.
- Ống cứu hỏa trên mặt boong đã bị mọt thủng và bị gãy không còn khả năng sử dụng.
- Các đường ống kẽm thủy lực hệ lái tại các cửa hầm xuống mạn kép đều bị rỉ, mọt, thủng có những đoạn đầu thủy lực đã bị rò rỉ và đã khắc phục nhưng không thể kín, cần phải cắt thay.
- Cột bích chính mũi tàu đã bị bong toàn bộ chân và các mã đã bị mọt không bám xuống mặt boong dẫn đến không đảm bảo an toàn cho sản xuất.
- Các cột bích đôi và cột bích đơn các thanh ngang để phục vụ cô dây đã mọt gãy.
- Hai cột bích đơn hậu lái tàu đã bị gãy.
- Một bộ cột bích đôi phía lái bên mạn trái đã bị mọt, lõm.
- Cần bổ sung thêm sừng trâu để buộc dây mũi, lái.
- Mặt boong khu vực giáp với thành quây hàng của tàu nhiều vị trí đã xuất hiện các đám rỉ trắng, các khu vực khác đã boong sơn gần như hoàn toàn vì bị rỉ cục bộ.
- Hai đầu của thành khoang hàng đã bị mọt, mỏng, có các vị trí bị thủng.
- Một số vị trí ở đáy khoang hàng bị nứt đường hàn.

### **2.3 Khu vực quây hầm hàng và nắp hầm hàng.**

- Thành quây bảo vệ nắp hầm hàng nhiều khu vực đã bị mọt thủng.
- Bánh xe bị kẹt do không được bảo dưỡng thường xuyên, ổ bạc đỡ thiếu mỡ bôi trơn.
- Liên kết các đầu xà ngang được làm bằng thép hộp tráng kẽm 30x60x1.8 ly và vách tôn của nắp hầm đã bị mọt, nhất là 4 nắp hầm ở giữa, 60% các chân xà và vách đã bị rời, không còn liên kết.
- Khung thép hộp hàn khung vách thành quây hàng của các nắp hầm đã bị mọt, mỏng không thể hàn đầu với chân xà ngang, cần phải cắt bóc thay mới.
- Toàn bộ thanh sống dọc chính giữa của 06 nắp hầm đã bị mọt yếu dẫn đến các nắp hầm bị cong võng, không còn liên kết với tôn nắp hầm.
- Đường ray chạy của nắp hầm hàng bị gỉ nặng.
- Tôn lợp nắp hầm bị rách thủng nhiều khu vực.

- Đầu nối xương dọc, xương ngang nắp hầm bị gỉ, đứt đường hàn tại nhiều điểm.

#### **2.4 Khu vực hầm hàng.**

- Một số đường hàn tôn đáy hầm hàng bị mòn nứt cần phải hàn đắp bổ xung để đảm bảo kín nước.
- Tôn thành hầm hàng vẫn trong tình trạng tốt, tuy nhiên một số khu vực đã bị gỉ sét do trong quá trình làm hàng lớp sơn bảo vệ đã bị bong chóc.

#### **3. Đường ống và van.**

- Đường ống cứu hỏa trên mặt boong đã bị một gãy hoàn toàn, 03 van cứu hỏa đã một hỏng.
- Ống nước làm mát vòng ngoài bị một thùng, cần phải thay mới.
- 02 van cứu hỏa và 02 van nước bị hỏng, cần phải thay thế.
- Các đường ống thủy lực hệ lái tại các vị trí cửa nắp hầm bị một gãy nhiều đoạn cần phải cắt thay bằng các đường ống cao su.

#### **4. Nội thất ca bin.**

- Gạch lát nền cabin buồng ở bị bong, nứt vỡ hỏng hoàn toàn, cần tiến hành sửa chữa để thuận tiện cho việc sinh hoạt của thuyền viên.
- Kính chắn gió ca bin bị vỡ 02 tấm.

#### **5. Phần điện tàu.**

- Điện hành trình trên tàu các máng và giá đỡ đã một hỏng, 2 bóng 180<sup>0</sup> đã hỏng.
- Điện sinh hoạt 220V khu vực buồng máy đã bị hỏng phải thay bằng những bóng điện 24V.
- Dây điện chính súp đôi kéo từ hầm máy lên hệ lái trên ca bin đã bị đứt nhiều đoạn.
- Điện hành trình, vỏ đã bị oxy hóa, hỏng toàn bộ.

#### **6. Phần máy chính và máy phụ.**

- Tháo kiểm tra bảo dưỡng (bộ hơi) theo cấp máy, bao gồm kiểm tra bạc biên, piston, xi lanh, séc măng, vệ sinh bảo dưỡng các hệ thống của máy chính gồm ( hệ làm mát, hệ phối khí, hệ nhiên liệu, hệ bôi trơn) thay xéc măng, doăng phốt, thay dầu máy.
- Cân chỉnh bơm cao áp.
- Cân chỉnh thay mới 06 kim phun.
- Tháo sửa chữa bảo dưỡng 04 máy D16.

**Lưu ý:** Các công việc sửa chữa từ nêu mục 1 đến mục 6 trong bảng khối lượng mời thầu của HSYC sẽ được hai bên khảo sát, xác định lại sau khi ký hợp đồng; Bên A bàn giao tàu cho Bên B, Bên B đưa tàu lên đà để làm cơ sở xác định giá trị chính thức của hợp đồng, Bên A thực hiện giám sát và làm cơ sở cho Bên B thi công; hai bên nghiệm thu, thanh quyết toán.

### III. Tiến độ thi công

1. Tiến độ thi công sửa chữa sà lan HN-1884 không quá 25 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực và phương tiện được bàn giao cho bên B.
2. Yêu cầu phải lập “**Bảng tiến độ thi công**” theo thời gian dự kiến thi công.
3. Bố trí nhân lực thi công các hạng mục theo đúng tiến độ.
4. Lập nhật ký thi công, xác nhận công việc hàng ngày cùng đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

### IV. Yêu cầu về cung cấp vật tư:

Đơn vị thi công cung cấp toàn bộ vật tư sửa chữa sà lan HN-1884.

1. Cung cấp đủ vật tư theo dự toán sửa chữa được lập.
2. Vật tư cung cấp phải đúng chủng loại, số lượng, chất lượng theo yêu cầu của HSYC.
3. Cùng đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM lập biên bản nghiệm thu.

### V. Yêu cầu đối với công tác nghiệm thu:

- Chất lượng: Nghiệm thu từng phần cùng đại diện giám sát của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM.
- Số lượng: Khối lượng vật tư đưa vào sửa chữa không nằm ngoài dự toán (trừ khi phát sinh và phải thông báo bằng văn bản cho Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM và được hai bên thống nhất bằng văn bản để làm cơ sở nghiệm thu, thanh quyết toán).
- Nghiệm thu khối lượng công việc tổng thể sau khi hoàn thành sửa chữa làm cơ sở Thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHẦN II. PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA SÀ LAN TỰ HÀNH HN-1884**

**1-Khối lượng công việc dự kiến mời thầu:**

A	PHẦN THÂN VỎ + CÁC HỆ THỐNG SÀ LAN								
STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Chủng loại/DVT	Dài	Rộng	S.lượng	Diện tích	Barem	K.Lượng	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Phần kích kéo và dịch vụ</b>								
1	Kéo sà lan lên bãi kê kích ổn định, hạ thủy	Sà lan			1,00				
2	Phí lưu bãi	ngày			6,00				
3	Cấp nước sinh hoạt	ngày			25,00				
4	Cấp điện sinh hoạt	ngày			25,00				
5	Phí đăng kiểm kỳ, định kỳ trên đà.	Sà lan			1,00				
<b>II.</b>	<b><u>Phần phun cát, gõ ri, sơn</u></b>								
1	Bắn cát khu vực đáy + mo tàu	m2	57,0	11,5	1	655,5			
2	Bắn cát khu vực mạn, con lươn hai bên tàu	m2	60,0	4,3	2	516,0			
3	Bắn cát be chắn gió mũi mặt trong và ngoài	m2	8,0	1,5	2	24,0			
4	Bắn cát be chắn gió lái mặt trong và ngoài	m2	14,0	1,5	2	42,0			
5	Bắn cát toàn bộ mặt boong	m2	64,0	1,2	2	153,6			
6	Bắn cát toàn bộ thành quây hàng	m2	100,0	1,1	1	110,0			
7	Bắn cát các phụ kiện trên boong	m2				20,0			
8	Bắn cát vách các nắp hầm hàng	m2	45,0	0,7	2	63,0			
9	Bắn cát bánh lái, ky tàu	m2				10,0			
10	Chà ri sét xung quang cabine trước + sau	m2				225,0			
11	Gõ ri sét 100% diện tích nóc cabine	m2				71,0			
12	Gõ ri hầm mạn kép, két nước nén mũi, lái, nước sinh hoạt	m2				660,0			
13	Sơn nước 1 sơn chống ri	m2				2550,1			

A PHÂN THÂN VỎ + CÁC HỆ THỐNG SÀ LAN									
STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Chủng loại/ĐVT	Dài	Rộng	S.lượng	Diện tích	Barem	K.Lượng	Ghi chú
14	Sơn nước 2 sơn chống rỉ	m2				2550,1			
15	Sơn màu nước 3	m2				1594,1			
16	Kẻ đường nước, số thước nước	tàu				1,0			
<b>III.</b>	<b>Phần sắt hàn</b>							<b>3.027,39</b>	
1	Thay các miếng đáy bị lõm do tàu nằm vào đá	Tôn 8	0,8	0,8	5	3,200	62,80	200,96	
2	Cắt thay các miếng tôn bị lõm hai bên mạn tàu	Tôn 8	0,5	0,5	6	1,500	62,80	94,20	
3	Cắt thay các miếng tôn mo tàu bị lõm quá giới hạn	Tôn 8	0,5	0,8	6	2,400	62,80	150,72	
4	Cắt thay tôn be gió hộp phía mũi	Tôn 6	2,5	1,9	1	4,750	47,10	223,73	
5	Mã be gió	Tôn 6	0,8	0,35	6	1,575	47,10	74,18	
3	Tôn mặt boong tại vị trí be gió bị bẹp	Tôn 8	2,5	0,6	1	1,500			
6	Cắt thay tôn be gió hộp phía lái	Tôn 6	2,5	1,9	1	4,750	47,10	223,73	
7	Mã be gió	Tôn 6	0,8	0,35	5	1,313	47,10	61,82	
8	Cắt thay điều bị móp do va đập	Tôn 10	4,0	0,35	2,0	2,800	78,50	219,80	
9	Xương điều	Tôn 10	4,0	0,1	2,0	0,800	78,50	62,80	
10	Ốp tôn vách trong hầm hàng	Tôn 6 ly	0,5	0,4	10,0	2,000	47,10	94,20	
11	Hàn lại các khay treo lớp bị đứt	Cái			19,0				
12	Ốp tôn sống mũi: KT450x3000x10mm = 1 tấm	Tôn 10	0,45	3	1,0	1,350	78,50	105,98	
13	Thay nắp hầm và gờ hầm								
	Nắp hầm	Tôn 6 ly	0,8	0,6	10,0	4,800	47,1	226,08	
	Gờ hầm	Tôn 6 ly	2,2	0,5	10,0	11,000	47,1	518,10	
14	Cột bích đôi								
	Ống thép D 220 dày 12 ly	m	0,5		2,0	1,000	65,0	65,00	
	Đế bích	Tôn 8 ly	1,6	0,8	1,0	1,280	62,8	80,38	
	Ống ngang D60x5.5	m	1,0		1,0	1,000	7,48	7,48	
	Tấm bịt	Tôn 8 ly	0,3	0,3	2,0	0,180	62,8	11,30	

A PHẦN THÂN VỎ + CÁC HỆ THỐNG SÀ LAN									
STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Chủng loại/ĐVT	Dài	Rộng	S.lượng	Diện tích	Barem	K.Lượng	Ghi chú
15	Cột bích đơn	Tôn 8 ly	0,5	0,5	2,0	0,500	62,8	31,40	
	Ống thép D 220 dày 12 ly	m	0,5		2,0	1,000	65,0	65,00	
	Ống ngang D60x5.5	m	0,4		1,0	0,400	7,5	2,99	
	Đế bích	Tôn 8 ly	0,5	0,5	2,0	0,500	62,8	31,40	
16	Ngáng của các cột bích đôi D 60 x 5.5 ly	m	1,0		8,0	8,000	7,48	59,84	
17	Ngáng của các cột bích đơn D 60 x 5.5 ly	m	0,5		8,0	4,000	7,48	29,92	
18	Gia cường cột bích mũi	Tôn 8 ly	0,5	0,3	4,0	0,600	62,80	37,68	
19	Cắt thay 01 miếng be chắn gió phía lái bị móp	Tôn 6 ly	2,0	1	1,0	2,000	47,10	94,20	
	Mã be gió	Tôn 6ly	0,5	0,3	5,0	0,750	47,10	35,33	
	Mặt be chắn gió	Tôn 6 ly	2,0	0,3	1,0	0,600	47,10	28,26	
16	Cắt làm thêm đuôi cá bánh lái								
-	Dùng tôn 10 gia công đuôi cá bánh lái	Tôn 10	2,8	0,55	1,0	1,540	78,50	120,89	
-	Tấm bịt 2 đầu đuôi cá	Tôn 10	0,1	0,1	2,0	0,020	78,50	1,57	
-	Xương đuôi cá bánh lái	Tôn 10	0,1	0,5	4,0	0,200	78,50	15,70	
20	Cắt ngoài cấp	m			25,0				
21	Hàn ngoài cấp	m			25,0				
22	Làm mới 01 cầu thang dẫn lên nóc ca bin mũi bằng ống mạ kẽm D27	Ống D27	5,00		1,0	5,000			
23	Ốp V hai bên ky lái	V100	3			3	12,6	37,80	
24	Ống thông hơi khoang hầm mạn kép ống kẽm D60x5.5	Cái	0,50		4,0	2,000	7,48	14,96	
25	Gia công mới hàn khuy treo lớp bị đứt bằng thép D28	Cái			19,0				
26	Riêng phần sắt hàn khu vực đáy tàu, khi tàu lên đà sẽ được khảo sát bổ xung theo thực tế.								
<b>IV.</b>	<b><u>Phần bánh lái và ky lái</u></b>								
1	Tháo bánh lái để kiểm tra sửa chữa. Sau đó lắp ráp lại hoàn chỉnh ( bơm gồm cả công đục bê tông bánh lái)	hệ			1,0				
-	Bulong thép M30x150x2 tán	Bộ			6,0				

<b>A PHẦN THÂN VỎ + CÁC HỆ THỐNG SÀ LAN</b>									
<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG CÔNG VIỆC</b>	<b>Chủng loại/ĐVT</b>	<b>Dài</b>	<b>Rộng</b>	<b>S.lượng</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Barem</b>	<b>K.Lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
-	Bulong bắt cổ đê chống nhảy Inox M16x80	bộ			2,0				
-	Hàn đĩa gia cường mặt bích bánh lái	cụm			1,0				
-	Đổ bê tông lại mặt bích bánh lái	cụm			1,0				
-	Hàn nẹp gờ chặn để đổ bê tông mặt bích bánh lái	cụm			1,0				
2	Tháo trục lái trên để kiểm tra sửa chữa thay bạc	Cái			1,0				
-	Bạc đồng trục lái trên D 110 x 200mm	Cái			2,0				
-	Bạc đồng rôn lái D80 x 100mm	Cái			1,0				
<b>V</b>	<b><u>Phần chân vịt</u></b>								
1	Tháo chân vịt kiểm tra, ráp lại	Cái			1,0				
2	Thay bulong Inox M16 x 60	bộ			4,0				
3	Đổ keo AB, khi lắp ráp chân vịt	Cái			1,0				
5	Mài đánh bóng, cân bằng tĩnh chân vịt	Cái			1,0				
6	Hàn đắp cánh chân	cánh			4,0				
<b>VI</b>	<b><u>Hệ thống tời neo</u></b>								
1	Tháo bảo dưỡng tra dầu, mỡ bàn tời	Bộ			1,0				
2	Cắt thay 02 ma ní D30	Bộ			2,0				
3	Bảo dưỡng các dao chặn nín	Bộ			2,0				
<b>VII</b>	<b><u>Phần van và đường ống</u></b>								
1	Tháo bảo dưỡng 02 van thông sông D120 thay 1 cái	Cái			2				
2	Tháo bảo dưỡng các van cứu hỏa và ballas thay 2 cái	cái			5,0				
3	Tháo vệ sinh 2 hố tụ thông sông	Cái			2,0				
4	Thay đường ống cứu hỏa trên mặt boong	Ống kẽm D50	34,0			34,0			
<b>VIII</b>	<b><u>Phần điện sinh hoạt, điện lái, nội thất ca bin</u></b>								
1	Bảo dưỡng đường điện sinh hoạt, thay dây cháy chập	Tàu			1,0				

<b>A PHẦN THÂN VỎ + CÁC HỆ THỐNG SÀ LAN</b>									
STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Chủng loại/ĐVT	Dài	Rộng	S.lượng	Diện tích	Barem	K.Lượng	Ghi chú
2	Tháo thay các bóng đèn cháy 24V	Bóng			10,0				
3	Tháo thay các bóng đèn cháy 220V ( bóng tuýp đôi)	Bóng			6,0				
4	Bảo dưỡng củ phát điện 220V	Bộ			1,0				
5	Bảo dưỡng hệ điện lái thay các đoạn dây hỏng	Bộ			1,0				
6	Thay dây điện bờ	m			100,0				
7	Lát nền ca bin ( công lát, xi măng, cát)	m2			30,0				
8	Bảo dưỡng hệ điện hành trình thay các đoạn dây bị hỏng	Tàu			1,0				
9	Thay bóng hành trình xanh đỏ	Bộ			5,0				
10	Thay bóng điện báo mạn 180 độ	Bộ			2,0				
<b>IX</b>	<b><u>Hệ thủy lực tàu</u></b>								
1	Tháo bảo dưỡng bốt lái căn chỉnh lại bốt lái	Bộ			1,0				
2	Tháo bơm thủy lực hệ lái tháo bảo dưỡng thay các hư hỏng	Cái			1,0				
3	Tháo bảo dưỡng bộ chia thủy lực hệ lái thay các chi tiết hư hỏng	Bộ			1,0				
4	Tháo vệ sinh kích ben lái thay doăng phớt	Bộ			2,0				
5	Thay ty ô thủy lực kích ben lái	Sợi			4,0				
6	kiểm tra các đường ống thủy lực thay các đường ống hỏng thay đường ống kẽm D27 + đầu nối ren	m			64,5				
<b>X</b>	<b><u>Phần trang bị</u></b>								
1	Lốp xe ô tô cũ	quả			19,0				
2	Xích D14	m			28,5				
3	Ma ní D14	cái			19,0				
4	Sừng trâu cô dây sà lan	Bộ			5,0				
5	Ma ní D30	Cái			2,0				
6	Tấm kính chắn gió ca bin lái KT 800 x 600 dày 4 ly	Tấm			1,0				

<b>B PHẦN MÁY CHÍNH VÀ MÁY PHỤ</b>									
STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Chủng loại/ĐVT	Dài	Rộng	S.lượng	Diện tích	Barem	K.Lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b><u>Máy chính</u></b>								
1	Tháo kiểm tra bảo dưỡng (bộ hơi) theo cấp máy, bao gồm kiểm tra bạc biên, piston, xi lanh, séc măng, vệ sinh bảo dưỡng các hệ thống của máy chính gồm ( hệ làm mát, hệ phối khí, hệ nhiên liệu, hệ bôi trơn) thay xéc măng, doăng phốt, thay dầu máy.	Máy			1				
2	Cân chỉnh 6 kim phun	Bộ			1				
3	Cân chỉnh BCA	Lượt			1				
<b>II</b>	<b><u>Máy phụ</u></b>								
1	Tháo bảo dưỡng 4 máy D16 TQ	Máy			4				

<b>C PHẦN NẮP QUẦY HÀNG</b>									
STT	Nội dung - công việc	Chủng loại	ĐVT	Dài	Rộng	S.Lượng	Diện tích	Barem	K.lượng
<b>I</b>	<b><u>Phần nắp hầm</u></b>								
1	Bóc xương hộp dọc nắp hầm số 3 và số 4 để thay bằng thép hộp tráng kẽm 40 x 80 x 1,8 ly	Thép hộp	m	7,4		8			59,20
2	Bóc thay xương ngang nắp hầm số 3 và 4 thép hộp 40x80x1,8ly	Thép hộp	m	0,8		28			22,40
3	Bóc thay xà dọc giữa của nắp hầm số 3 và 4 thép hộp 40x80x1,8	Thép hộp	m	7,4		4			29,60
4	Ôp tôn 6 ly hai bên chân xà ngang nắp 3 và 4	Tôn 6 ly	Kg	0,2	0,4	48	3,84	47,1	180,86
5	Gia cường mã Δ các chân nắp 3 và 4	Tôn 6 ly	Kg	0,2	0,3	48	2,88	47,1	135,65
6	Bóc xương hộp dọc nắp hầm số 2 và số 5 để thay bằng thép hộp tráng kẽm 40 x 80 x 1,8 ly	Thép hộp	m	7,4		8			59,20
7	Bóc thay xương ngang nắp hầm số 2 và 5 thép hộp 40x80x1,8ly	Thép hộp	m	0,5		28			14,00

C PHẦN NẮP QUẦY HÀNG									
STT	Nội dung - công việc	Chủng loại	ĐVT	Dài	Rộng	S.Lượng	Diện tích	Barem	K.lượng
8	Bóc thay xà dọc giữa của nắp hầm số 2 và 5 thép hộp 40x80x1,8	Thép hộp	m	7,4		4			29,60
9	Ôp tôn 6 ly hai bên chân xà ngang nắp 2 và 5	Tôn 6 ly	m <sup>2</sup>	0,2	0,4	48	3,84	47,1	180,86
10	Gia cường mã Δ các chân nắp 2 và 5	Tôn 6 ly	m <sup>2</sup>	0,2	0,2	48	1,92	47,1	90,43
11	Bóc thay xương ngang nắp hầm số 1 và 6 thép hộp 40x80x1,8ly	Thép hộp	m	0,5		28			14,00
12	Bóc thay xà dọc giữa của nắp hầm số 1 và 6 hộp 40x80x1,8	Thép hộp	m	7,4		4			29,60
13	Ôp tôn 6 ly hai bên chân xà ngang nắp 1 và 6	Tôn 6 ly	Kg	0,2	0,4	48	3,84	47,1	180,86
14	Gia cường mã Δ các chân nắp 1 và 6	Tôn 6 ly	Kg	0,2	0,2	48	1,92	47,1	90,43
15	Thay tôn bít 1 đầu của nắp hầm số 6	Tôn 6 ly	Kg	0,3	9,3	1	2,79	47,1	131,41
16	Thay tôn 5 ly thành nắp quây hàng bị rách, thay 30%	Tôn 5 ly	Kg				6,13	39,25	240,68
17	Bắt lợp toàn bộ tôn nắp hầm, thay tôn múi 70% nóc 6 nắp hầm hàng	Tôn 0.5	m <sup>2</sup>				425,0		
18	Nhân công bắt cao su 3 mm		m <sup>2</sup>	9,3	0,3	6			16,74
19	Tháo bảo dưỡng sửa chữa bạc bánh con lăn nắp hầm		Bộ						24,00
20	Keo gắn sắt		Hộp						5,00
21	Bắn tháo toàn bộ mái tôn cũ của nắp hầm		m <sup>2</sup>				425,0		
22	Cầu đưa 6 nắp hầm lên bờ để sửa chữa + cầu lắp lại		Cái			6			
23	Tháo bảo dưỡng sửa chữa bạc bánh con lăn nắp hầm		Bộ				24,0		
24	Căn chỉnh lại nắp hầm số 6 về vị trí ban đầu		Nắp			1			

**2-Khối lượng công việc nhà thầu bổ sung nếu có.** (lưu ý: khối lượng công việc do nhà thầu chào bổ sung không xét thầu, chỉ làm cơ sở cho bên mời thầu xem xét để rà soát bổ xung sau khi tàu lên đà).

## D. TỔNG HỢP VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Khối Lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Vật tư phần bảo dưỡng, sắt hàn, hệ thống.</b>			
1	Tôn 5, 6, 8, 10 ly	Kg	2.759,36	
2	Ống thép D 220 dày 12 ly	Kg	130,00	
3	Thép hình V100	Kg	37,80	
4	Ống thép D60x5.5	Kg	100,23	
5	Thép tròn đặc D28	Kg	29,00	
6	Ống mạ kẽm D27	m	69,50	
7	Đầu nối ren đường ống D27	Cái	18,00	
8	Ống kẽm cứu hỏa D50 x 4	m	34,00	
9	Bạc đồng trục lái trên D 110 x 200mm	Cái	2,00	
10	Bạc đồng rôn lái D80 x 100mm	Cái	1,00	
11	Bu lông M30x150 x 2 tán	Bộ	6,00	
12	Bu lông Inox M16x80 bắt cổ dê	Bộ	2,00	
13	Bu lông inox M16x60 chỉ lái	Bộ	4,00	
14	Keo AB keo 2 thành phần	Hộp	2,00	
15	Ma ní D30	Bộ	2,00	
16	Van ballas D 80	Cái	2,00	
17	Van gang D120	Cái	2,00	
18	Bích tôn D150	Cái	10,00	
19	Họng cứu hỏa	Cái	3,00	
20	Vi lược rác KT 500x400 tôn 8 ly	Cái	1,00	
21	Bóng điện 24V	Bóng	10,00	
22	Bóng đèn tuýp đôi 220V	Bóng	6,00	
23	Thay bóng hành trình xanh đỏ	Bộ	5,00	
24	Thay bóng điện báo mạn 180 độ	Bộ	2,00	
25	Dây điện 2x1.5 ly	m	50,00	
26	Dây điện 2x2.5 ly	m	100,00	
27	Gạch men vân gỗ lát nền	m <sup>2</sup>	30,00	
28	Ty ô thủy lực ty lái	Sợi	4,00	
29	Bộ doăng phốt kích ben lái	Bộ	2,00	
30	Dầu thủy lực lái	Lít	20,00	
31	Lốp xe ô tô cũ ( Vỏ 10,11 = 6, Vỏ 7,8 = 13)	Quả	19,00	
32	Xích nin D14	m	28,50	
33	Ma ní D14	cái	19,00	
34	Tấm kính chắn gió ca bin lái KT 800 x 600 dày 4 ly	Tấm	1,00	
35	Sừng trâu cô dây	Bộ	5,00	



STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Khối Lượng	Ghi chú
36	Sơn chống rỉ Epoxy (ET 1.602)	Lít	510,00	
37	Sơn chống rỉ Epoxy (ET 2.652)	Lít	392,00	
38	Sơn phủ Epoxy đỏ nâu (ET 3.150)	Lít	120,00	
39	Sơn phủ PU xanh lá (ET 3.375)	Lít	80,00	
40	Sơn phủ PU xám sáng (ET 3.652)	Lít	70,00	
41	Sơn phủ Alkyd trắng (AC 3.690)	Lít	40,00	
42	Sơn chống gỉ Alkyd đỏ nâu (AC 1,101)	Lít	15,00	
43	Sơn phủ Alkyd xám sáng (AC 3.652)	Lít	30,00	
44	Sơn phủ Alkyd xanh dương (AC 3.452)	Lít	15,00	
45	Sơn phủ Alkyd đen (AC 3.750)	Lít	1,00	
46	Dung môi sơn Epoxy - ET 01	Lít	100,00	
<b>II</b>	<b>Vật tư phân máy.</b>			
1	Dẻ lau	Kg	10,00	
2	Van nước hệ làm mát máy D 60	Bộ	2,00	
3	Dầu Diesel ( rửa + thử)	Lít	50,00	
4	Joăng xả, hút máy 6.160A	Bộ	1,00	
5	Joăng đồng quy lát 6.160A	Bộ	1,00	
6	Joang kín dầu + nước mặt máy	Bộ	1,00	
7	Bột rà su páp ( Thô + Tinh)	Hộp	2,00	
8	Keo gắn kính	Hộp	1,00	
9	Cô-li-ê phi 70 - 80	Cái	16,00	
10	Long đen côn đầu kim phun	Cái	6,00	
11	Long đen đồng lỗ phi 8	Cái	16,00	
12	Long đen đồng lỗ phi 16	Cái	8,00	
13	Bia li-e	Tờ	1,00	
14	Kim phun 8x25	Cái	6,00	
15	Doăng đồng bộ máy Weichai	Bộ	1,00	
16	Lõi lọc dầu diezen	Cái	2,00	
17	Lõi lọc dầu bôi trơn	Cái	2,00	
18	Đường ống kẽm D50x4 làm mát máy + cứu hỏa	m	24,00	
19	Tháo thay 12m ty ô thủy lực lái	Bộ	12,00	
20	Xéc măng máy chính loại 24 vòng	Bộ	1,00	
21	Dầu Bôi trơn D50	Lít	90,00	
22	Bu lông D10x4	Bộ	30,00	
23	Bu lông D12x4	Bộ	20,00	
24	Ống cao su có bố D50	m	2,00	
25	Lọc dầu diezeel máy D16	Cái	4,00	
26	Lọc dầu bôi trơn máy D16	Cái	4,00	

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Khối Lượng	Ghi chú
27	Kim phun máy D16	Cái	4,00	
28	Xéc măng máy D16	Bộ	4,00	
29	Doăng mặt máy, máy D16	Cái	4,00	
30	Giảm chấn giữa hộp số và máy chính	Bộ	1,00	
<b>III Vật tư phần nắp hầm khoang hàng</b>				
1	Tôn 6 ly	Kg	990,51	
2	Tôn 5 ly	Kg	240,68	
3	Thép hộp 40x80x1,8 ly	M	157,60	
4	Tôn lạnh múi 0,5 ly	M2	297,60	
5	Đinh vít 4 cm	Kg	30,00	
6	Cao su 3mm	M2	16,74	
7	Dây cáp lựu D12 (nga)	M	100,00	
8	Keo gắn sắt	Hộp	5,00	

**Ghi chú:** Tôn 5 ly, 6 ly, 8 ly, 10 ly là tôn mới, có xuất xứ rõ ràng (Nga, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc...); Phải là loại tôn dùng cho đóng tàu, chất lượng đáp ứng được tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm.

### PHẦN III: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

#### I. Đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất

Hồ sơ đề xuất (HSDX) của nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

1. Có HSDX nộp không muộn hơn thời điểm hết hạn nộp HSDX.
2. Có thư chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa ký tên đóng dấu.
3. Giá chào ghi trong HSDX phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc kèm theo điều kiện bất lợi cho bên mời thầu và giá chào phải bằng Việt Nam đồng.
4. Thời gian nhà thầu đề xuất tiến độ sửa chữa phương tiện đáp ứng yêu cầu HSYC của bên mời thầu.

**II. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:** Sử dụng tiêu chí “Đạt”, “Không đạt” để đánh giá. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí quy định tại các mục dưới đây được đánh giá là “đạt”.

TT	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng
1	Có bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/thành lập doanh nghiệp (đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy)	Đạt
	Trái với điều kiện trên	Không đạt
2	Cam kết không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh, đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc ứ đọng không có khả năng chi trả, đang trong quá trình giải thể.	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt
3	Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất (năm 2020, 2021) được kiểm toán hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận;	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt
4	Có bản sao hợp đồng đã hoặc đang thực hiện tương tự trong vòng 02 năm trở lại đây (tối thiểu 01 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu 950 triệu đồng).	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt
5	Cam kết bố trí cầu cảng/âu tàu phù hợp để sửa chữa phương tiện	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt

TT	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng
6	Chỉ huy trưởng công trường/Quản đốc: số lượng 01 người Yêu cầu: tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành đóng tàu, đã làm quản đốc tối thiểu sửa chữa 01 phương tiện có giá trị hợp đồng sửa chữa $\geq 700$ triệu đồng.	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt
7	Công nhân kỹ thuật có chứng chỉ đào tạo nghề phù hợp với tính chất công việc gói thầu: Thợ sắt; Thợ hàn; Thợ máy; Thợ điện, Thợ bắn cát, phu sơn và kích kéo. Số lượng $\geq 20$ người	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt
8	Có cam kết bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và an toàn lao động, an toàn phương tiện trong quá trình sửa chữa.	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt

### III. Yêu cầu về thiết bị:

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	ĐVT	Số lượng tối thiểu cần có	Ghi chú
1	Cầu cảng để neo đậu tàu	Cầu	01	<i>Nhà cung ứng dịch vụ sửa chữa kê khai số lượng thiết bị</i>
2	Bóng hơi cao su loại 1,2-1,6 m	Quả	08	
3	Máy tời điện 50 tấn	Bộ	01	
4	Bãi xưởng sửa chữa đủ đảm bảo sửa chữa tàu	Bãi	01	
5	Máy hàn điện công nghiệp	Cái	20	
6	Kho lưu trữ vật tư	Kho	01	
7	Máy cắt hơi cầm tay	Cái	10	
8	Máy tiện băng ngắn	Cái	01	
9	Máy khoan đứng	Cái	02	
10	Máy cắt tôn	Cái	01	
11	Máy mài công nghiệp	Cái	10	
12	Máy ép thủy lực 100 tấn trở lên	Cái	01	
13	Xe cầu chuyên dụng	Cái	01	
14	Máy nâng/xe nâng	Cái	01	
15	Máy dập lòng mo	Cái	01	
16	Máy bắn cát áp lực 10kg	Bộ	01	
17	Máy phun sơn (nén khí)	Bộ	01	

**Ghi chú:** Hồ sơ đề xuất sửa chữa được xem xét và đánh giá về giá khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. HSDX hợp lệ theo quy định tại Mục I - Đánh giá tính hợp lệ của HSDX;
2. HSDX “đạt” tất cả các tiêu chí theo quy định tại Mục II - Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;
3. HSDX đầy đủ theo quy định tại Mục III. Yêu cầu về thiết bị;

**IV. Tiêu chuẩn đánh giá về giá:** Phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào, giá chào sau hiệu chỉnh sai lệch, sửa lỗi số học, giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xếp hạng nhà cung cấp: HSDX có tổng giá sau khi hiệu chỉnh sai lệch, sửa lỗi số học trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất và không cao hơn giá dự toán của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM được mời vào thương thảo, đàm phán hợp đồng.



**PHẦN IV: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

**HỢP ĐỒNG**

**Về việc sửa chữa định kỳ tàu HN-1884**

**I. CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
  - Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
  - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
  - Căn cứ Biên bản đàm phán thương thảo hợp đồng gói thầu “Sửa chữa định kỳ tàu HN -1884” ngày .../07/2022 giữa Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM và Công ty.....;
  - Căn cứ Quyết định số .../QĐ-NL&MT ngày .../.../2022 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đơn vị sửa chữa định kỳ tàu HN-1884;
  - *Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên*
- Hôm nay, ngày /07/2022. Tại: Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM.  
Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng gồm có:

**II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG**

**BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM.**

- Đại diện là ông: Chức vụ:
- Giấy uỷ quyền số: / Ngày / /2022.
- Địa chỉ: 21B-phố Cát Linh - Phường Cát Linh - Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243.8235837 Fax: 0243.8457186
- Tài khoản: 113000093007. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – chi nhánh Chương Dương.
- Mã số thuế: 0100106352
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100106352 đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 26/8/2021;

**BÊN B**

- Đại diện là ông : Chức vụ:
- Địa chỉ :
- Điện thoại :
- Mã số thuế: :



- Tài khoản :

- Tại Ngân hàng :

- Giấy chứng nhận ĐKKD số

Hai bên thống nhất cùng nhau ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

### III. ĐIỀU KHOẢN

#### Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1.1. “**Bên A**”, Là Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM;

1.2. “**Bên B**”, là.....

1.3. “**Hợp đồng**” là Hợp đồng này và các văn kiện, Hồ sơ Hợp đồng nêu tại Điều 2 của Hợp đồng;

1.4. “**Phụ lục Hợp đồng**”: Là văn bản sửa đổi hoặc bổ sung một hoặc nhiều nội dung của Hợp đồng và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng;

1.5. “**Các bên, hoặc Bên A, hoặc Bên B**”: Là các tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực theo quy định của Pháp luật;

1.6. “**Đơn giá**” là giá dịch vụ sửa chữa tại cầu cảng của Bên B, đã bao gồm chi phí sửa chữa và đầy đủ các loại thuế phí theo quy định hiện hành của pháp luật.

1.7. “**Sự kiện bất khả kháng**” là các sự kiện được phát sinh từ những nguyên nhân khách quan khác nhau vượt quá tầm kiểm soát và dự kiến của Các Bên, Các Bên không biết và không thể biết trước được sẽ xảy ra như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch...;

1.8. “**Ngày**” bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, Tết theo quy định của Pháp luật;

1.9. “**Pháp luật**” là pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.10. ....

#### Điều 2. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG

Các tài liệu sau đây là một phần không tách rời của Hợp đồng và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về pháp lý như sau:

2.1. Hồ sơ yêu cầu.

2.2. Văn bản Hợp đồng này;

2.3. Các Phụ lục của Hợp đồng này (nếu có);

2.4. Biên bản đàm phán thương thảo hợp đồng gói thầu “*Sửa chữa định kỳ tàu HN-1884*” giữa Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM và Công ty .....

2.5. Quyết định số .../QĐ-NL&MT ngày .../.../2022 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM về việc phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị sửa chữa định kỳ tàu HN-1884”.

#### Điều 3. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên B nhận sửa chữa tàu định kỳ tàu HN-1884 của bên A đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, an toàn... đủ điều kiện để phương tiện được cơ quan Đăng kiểm chấp thuận và khai thác vận hành an toàn. Nội dung sửa chữa cụ thể như sau:

## **1. Phần kích kéo:**

## **2. Phần thân vỏ tàu**

2.1 Một phần đáy mũi, mo, mạn.

2.2 Khu vực trên boong.

2.3 Khu vực quày hầm hàng và nắp hầm hàng.

2.4 Khu vực hầm hàng.

## **3. Đường ống và van.**

## **4. Nội thất ca bin.**

## **5. Phần điện tàu.**

## **6. Phần máy chính và máy phụ.**

Công việc chi tiết thực hiện theo nội dung của HSYC. Trường hợp phát sinh khối lượng ngoài Hợp đồng, bên B phải thông báo cho bên A bằng văn bản (khối lượng phát sinh, đơn giá nếu đơn giá cho phần công việc đó chưa có trong hợp đồng), hai bên thống nhất bằng biên bản để làm cơ sở nghiệm thu thanh quyết toán. Đồng thời ký phụ lục hợp đồng bổ xung phát sinh.

## **Điều 4. TIẾN ĐỘ THI CÔNG**

- Thời gian thực hiện sửa chữa: 25 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực, phương tiện được bàn giao cho Bên B (Không kể ngày mưa, bão, mất điện lưới hoặc các lý do bất khả kháng khác).

- Nếu trong thời gian sửa chữa xảy ra các nguyên nhân khách quan khiến bên B phải ngừng thi công như: ngày mưa, bão, mất điện lưới hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng khác thì hai bên cùng nhau lập biên bản xác nhận số ngày bên B ngừng sửa chữa vào nhật ký thi công để cộng vào tiến độ bàn giao phương tiện. Các nguyên nhân bất khả kháng không thi công phải có xác nhận của cơ quan chức năng.

- Trường hợp nếu bên B không đảm bảo tiến độ thi công như HSDT sẽ bị phạt chậm tiến độ (số ngày chậm tiến độ x số tiền phạt chậm tiến độ 3.000.000 đồng/ngày). Nếu chậm quá 5 ngày liên tục không có lý do chính đáng hoặc tổng số ngày chậm tiến độ lên đến 10 ngày, bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh do hợp đồng bị bên A đơn phương chấm dứt.

## **Điều 5: CUNG ỨNG VẬT TƯ**

- Bên B chịu trách nhiệm cung cấp toàn bộ các vật tư sau:

+ Tôn, sắt, thép, vật tư máy và các vật tư khác theo hợp đồng sửa chữa.

+ Cung cấp Ôxy, khí ga, điện năng và nhân công.

## **Điều 6: KIỂM SOÁT KỸ THUẬT**

- Kiểm soát kỹ thuật: Bên A cử người giám sát cùng kỹ thuật bên B trong quá trình thi công, phối hợp cùng bên B và Đăng kiểm nghiệm thu các bước theo quy định. Ký các biên bản nghiệm thu chất lượng và toàn bộ nội dung khối lượng công việc sau khi thực hiện.

## **Điều 7: CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH**



- Bên B chịu trách nhiệm bảo hành về vật tư và công việc sửa chữa. Thời gian bảo hành đối với tất cả các hạng mục công việc sửa chữa là 06 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao.

### **Điều 8: GIÁ HỢP ĐỒNG:**

8.1: Tổng giá trị hợp đồng tạm tính ký hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT (giá trúng thầu) là: ..... đồng.

Bảng chữ: .....

8.2. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

8.3. Giá trị chính thức của hợp đồng: Giá trị chính thức của hợp đồng được xác định lại trên cơ sở:

-Khối lượng công việc: sau khi bên A bàn giao tàu cho bên B, bên B đưa tàu lên đà, hai bên cùng nhau khảo sát lại khối lượng công việc cần thực hiện chi tiết cụ thể, đặc biệt là khối lượng công việc cần sửa chữa của phần ngâm, phần máy sau khi tháo kiểm tra và các công việc phát sinh theo đề xuất của nhà thầu trong Hồ sơ đề xuất dịch vụ sửa chữa. Lập biên bản làm cơ sở giám sát, thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán.

-Đơn giá: Áp dụng đơn giá chào thầu.

### **Điều 9: HÌNH THỨC THANH TOÁN**

- Bên A thanh toán cho bên B bằng hình thức chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ

- Thanh toán:

+ **Tạm ứng:** Kể từ ngày hợp đồng được ký kết và có hiệu lực trong vòng 5 ngày, bên A sẽ tạm ứng cho bên B 20% giá trị hợp đồng tạm tính tương ứng với số tiền: ..... đồng.

Hồ sơ đề nghị tạm ứng gồm:

• Công văn đề nghị tạm ứng;

• Hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng với số tiền tạm ứng hoặc Bảo lãnh tạm ứng tương đương số tiền tạm ứng được phát hành bởi tổ chức tín dụng hợp pháp theo quy định của Nhà nước phát hành nơi bên B mở tài khoản.

+ **Thanh toán đợt 1:** Sau 12 ngày kể từ khi nhận được tiền tạm ứng, Bên A thanh toán cho bên B tối đa đến 80% giá trị khối lượng công việc thực hiện được nghiệm thu. Thời hạn thanh toán đợt 1 là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi bên A nhận đầy đủ Hồ sơ thanh toán đợt 1.

Hồ sơ đề nghị thanh toán đợt 1 bao gồm:

• Công văn đề nghị thanh toán;

• Bảng giá trị khối lượng nghiệm thu, thanh toán đợt 1 được hai bên xác nhận;

• Hoá đơn GTGT tương ứng với giá trị đề nghị thanh toán đợt 1.

+ **Quyết toán:** Bên A sẽ tiến hành thanh toán cho bên B đến 97% giá trị quyết toán sau khi bên B hoàn tất thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán.

Hồ sơ đề nghị quyết toán bao gồm:

- Công văn đề nghị thanh quyết toán;
- Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành đưa vào sử dụng được hai bên xác nhận;
- Bảng quyết toán khối lượng, giá trị công việc hoàn thành;
- Hoá đơn GTGT (tương ứng với giá trị quyết toán).
- Các chứng từ khác (nếu có).

+ **Khoản tiền bảo hành** 3% giá trị quyết toán hợp đồng sẽ được giữ lại 6 tháng kể từ ngày tàu được nghiệm thu đưa vào khai thác sử dụng hoặc sẽ được bên A thanh toán cho bên B sau khi bên B nộp bảo lãnh bảo hành tương ứng với giá trị bảo hành, Thư bảo lãnh bảo hành được phát hành bởi tổ chức tín dụng hợp pháp theo quy định của Nhà nước phát hành nơi bên B mở tài khoản.

## **Điều 10: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN**

### **1. Trách nhiệm của bên A**

- Cử cán bộ cùng cán bộ bên B khảo sát, lập phương án, giám sát thi công, lập và ký nghiệm thu từng phần các hạng mục công việc tại hiện trường.
- Tạm ứng, thanh toán cho bên B đúng thời hạn như Điều 9 của hợp đồng.

### **2. Trách nhiệm của bên B**

- Thi công đảm bảo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật.
- Thi công các nội dung, hạng mục và khối lượng công việc trong Hợp đồng phù hợp với HSYC.
- Sau khi việc sửa chữa hoàn tất, bên B có trách nhiệm phối hợp cùng bên A hoàn thành việc quyết toán, cung cấp đầy đủ các hoá đơn, chứng từ để thực hiện thanh quyết toán hợp đồng.

## **Điều 11: THUỶNG PHẠT HỢP ĐỒNG**

- Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Tiền thanh toán chậm được tính trên số tiền bị chậm thanh toán nhân với số ngày chậm thanh toán (từ ngày phải thanh toán theo thỏa thuận hoặc kế hoạch phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế) nhân với mức lãi suất (mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất tại thời điểm phát sinh chậm thanh toán đối với các khoản vay thương mại có tài sản đảm bảo bằng VND kỳ hạn 5 tháng tại BIDV Thanh Xuân).

- Trường hợp nếu bên B không đảm bảo tiến độ thi công như Hồ sơ đề xuất sẽ bị phạt với mức 3.000.000 đồng/ ngày. (Ba triệu đồng). Tổng số tiền phạt tối đa không quá 12% giá trị hợp đồng. Tiền phạt được trừ vào giá trị hợp đồng.

## **Điều 12: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- Trong quá trình thi công hai bên chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn về người và thiết bị. Nếu bên nào xảy ra mất an toàn hoặc thiệt hại về tài sản, con người thì bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Hai bên không được tự ý điều chỉnh các điều khoản trong hợp đồng này. Nếu có sự thay đổi hai bên thống nhất và ký phụ lục hợp đồng.

- Nếu có tranh chấp, hai bên phải nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoà giải. Nếu việc thương lượng hoà giải không thể đi đến thoả thuận thống nhất thì việc giải quyết tranh chấp sẽ được ra toà án nhân dân tỉnh Hà Nội để giải quyết. Quyết định của toà án được coi là phán quyết cuối cùng và hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên, án phí sẽ do bên thua kiện chịu.

### **Điều 13: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng, hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng được thanh lý, hết hiệu lực sau khi các bên đã hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản đều có nội dung và giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

